

**Bộ kẹp tâm**  
**HGR1-16-A-G2**  
Số bộ phận: 563905

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                           | Giá trị                                                       |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                         | 16                                                            |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                       | 0.2 mm                                                        |
| Bộ gấp tối đa hàm góc chơi riu, ay                 | 0.1 °                                                         |
| Góc mở tối đa                                      | 180 °                                                         |
| đối xứng quay                                      | 0.2 mm                                                        |
| Độ chính xác lặp lại kẹp                           | 0.02 mm                                                       |
| Số chấu kẹp                                        | 2                                                             |
| Vị trí lắp đặt                                     | bất kì                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                | tác động kép                                                  |
| Chức năng kẹp                                      | Xuyên tâm                                                     |
| Thiết bị an toàn lực kẹp                           | khí đóng                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                                  | chuỗi chuyển động cưỡng bức                                   |
| Phát hiện vị trí                                   | cho các công tắc gần<br>cho cảm biến cảm ứng                  |
| Áp suất vận hành                                   | 4 bar...8 bar                                                 |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                     | 3 Hz                                                          |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)   | 233 ms                                                        |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 185 ms                                                        |
| Môi chất vận hành                                  | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển              | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                               | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                      |
| Tuân thủ LABS                                      | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                     | 5 °C...60 °C                                                  |
| Mô-men quán tính khối lượng                        | 0.21 kgcm <sup>2</sup>                                        |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh                    | 50 N                                                          |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh             | 3.9 N m                                                       |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh             | 0.3 N m                                                       |
| Khoảng thời gian bôi trơn các phần tử dẫn hướng    | 10 triệu lượt                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                               | 150 g                                                         |
| Kiểu gắn                                           | với ren trong và vòng măng xông                               |
| Cổng nối khí nén                                   | M3                                                            |
| Ghi chú vật liệu                                   | Tuân thủ RoHS                                                 |

| Đặc tính         | Giá trị                        |
|------------------|--------------------------------|
| Vật liệu vỏ      | Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn |
| Hàm kẹp vật liệu | Thép cứng                      |